

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 04 - 4 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Kim Na Rinh
- Ông Nguyễn Hoàng Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Bà Từ Cẩm V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã , huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Huỳnh Thị L trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 19/02/2020 bà có cho bà Từ Cẩm V vay số tiền 20.000.000 đồng, để bà V đáo hạn nợ Ngân hàng, bà V hứa vài ngày trả lại cho bà nên không tính lãi suất nhưng sau đó bà V không trả được nên bà V thoả thuận trả lãi cho bà hàng tháng, mỗi tháng 300.000 đồng nhưng đóng không đầy đủ đến năm 2023 thì

bà V ngưng không đóng đến nay, nhiều lần bà đòi lại tiền vốn nhưng bà V không đồng ý trả.

Quá trình giải quyết bà V cho rằng trong số tiền vay 20.000.000 đồng này bà chỉ vay vốn 10.000.000 đồng và còn lại 10.000.000 đồng là tiền lãi nhập vào là không đúng. Bà L xác định đây là tiền vốn vay, do đó bà yêu cầu giải quyết buộc bà Từ Cẩm V phải trả số tiền vốn vay còn nợ 20.000.000 đồng. Không còn tranh chấp nào khác.

Quá trình giải quyết bị đơn Từ Cẩm V trình bày lời khai như sau:

Bà không đồng ý yêu cầu của bà L buộc bà trả số tiền vay 20.000.000 đồng. Lý do, cụ thể vào ngày 19/3/2019 bà có vay của bà L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất tính 5.000đ/ngày, thỏa thuận 10 ngày thì đóng 500.000 đồng, bà có đóng lãi nhưng không đầy đủ nên ngày 19/02/2020 bà có viết lại biên nhận cho bà L ghi số tiền vay là 20.000.000 đồng, trong đó có tiền lãi 10.000.000 đồng, nhập vào tiền vốn 10.000.000 đồng và bà tiếp tục đóng lãi 1.000.000đ/20.000.000đ/tháng, bà đã đóng lãi từ tháng 02/2020 đến tháng 06/2023 là 41 tháng, số tiền 41.000.000 đồng thì không còn khả năng trả lãi.

Do đó bà chỉ đồng ý trả tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng, đối với biên nhận bà L cung cấp, bà thừa nhận bà viết, ký tên nhưng trong số tiền ghi 20.000.000 đồng thì có 10.000.000 đồng là tiền lãi nhập vào tiền vốn nên yêu cầu không phải trả tiền lãi nhập vào; về số tiền lãi bà đã đóng 41.000.000 đồng bà chỉ đưa cho bà L không có giấy tờ nên không tranh chấp tính lãi lại. Tại phiên tòa bà nhận thấy không có chứng cứ chứng minh trong số tiền 20.000.000 đồng có tiền lãi nhập vào tiền vốn nên bà đồng ý trả tiền cho bà L. Bà không yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Từ Cẩm V trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền vốn vay còn nợ là 20.000.000 đồng. Về án phí, đề nghị căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà V phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy bà Huỳnh Thị L khởi kiện bà Từ Cẩm V yêu cầu trả tiền vay theo biên nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện:

- Bà Huỳnh Thị L yêu cầu bà Từ Cẩm V phải trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng, bà cung cấp biên nhận vay ngày 19/02/2020 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

- Quá trình giải quyết vụ án, bà V thừa nhận biên nhận này là do bà viết, ký tên nên không yêu cầu trưng cầu, giám định nhưng bà V không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của bà L. Lý do năm 2019 bà chỉ vay số tiền 10.000.000 đồng, sau đó không đóng lãi nên bà L tính tiền lãi là 10.000.000 đồng, cộng vào tiền vốn và yêu cầu bà viết lại biên nhận theo mẫu soạn sẵn không có cột ghi tiền lãi nên bà ghi chung số tiền vay là 20.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả số tiền vay là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà V đồng ý trả số tiền vay 20.000.000 đồng cho bà L.

Xét lời khai của bà V cho rằng trong số tiền vay 20.000.000 đồng có tiền lãi nhập vào tiền vốn nhưng không được bà L chấp nhận, bà Lan xác nhận biên nhận do bà soạn sẵn, bà V hiểu, biết rõ, tự nguyện viết thông tin vay tiền và nhận tiền vay, không có việc biên nhận viết lại gồm tiền lãi nhập vào tiền vốn như bà V khai. Bà V không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc biên nhận có tiền lãi nhập vào tiền vốn cho nên tại phiên tòa bà chịu trách nhiệm trả số tiền vay cho bà L.

Xét thấy bà V thừa nhận và đồng ý trả tiền vay cho bà L, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên xét yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà V là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng, buộc bà V phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 92, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Từ Cẩm V có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho bà Huỳnh Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Từ Cẩm V phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- Bà Huỳnh Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001092 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa